

KẾ HOẠCH
Nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn xã Minh Đức

Thực hiện Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 26/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về Nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 328/TTr-PVHXH ngày 06/04/2026;

Xét tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã Minh Đức ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Huy động sức mạnh tổng thể của cả hệ thống chính trị địa phương tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác quản lý nhà nước tại xã. Hoàn thành tất cả các nhiệm vụ được giao nhằm đóng góp vào việc nâng thứ hạng DTI của tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 nằm trong 04 nhóm tỉnh/thành dẫn đầu của cả nước.

- Nâng cao năng lực quản trị số, hạ tầng số, kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân, qua đó cải thiện môi trường điều hành, phát triển kinh tế số, xã hội số, hướng tới chính quyền số hiện đại, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, phòng ban triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai nhằm nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số trong các Kế hoạch số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Yêu cầu

- Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Xác định rõ nhiệm vụ, chỉ tiêu định lượng cụ thể và phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp cho từng phòng ban, đơn vị, công chức chuyên môn, các ban ngành, đoàn thể và Ban quản lý các ấp, sóc.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng nền hành chính xã Minh Đức hiện đại, minh bạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả dựa trên dữ liệu số.

- Phân đấu hoàn thành 100% các chỉ tiêu do UBND tỉnh giao và các cơ quan cấp trên giao.

- Phối hợp thực hiện đạt kết quả cao nhất đối với các chỉ tiêu liên ngành, góp phần nâng cao chỉ số DTI chung của toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể cho từng chỉ tiêu và phân công đơn vị chủ trì:

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm Kế hoạch)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao Hoạt động Chính quyền số

- Duy trì ổn định kết nối các cơ quan Đảng; UBND xã và các cơ quan, đơn vị; kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao, mạng truyền số liệu chuyên dùng dành riêng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn xã Minh Đức.

- Khai thác có hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản phục vụ tốt cho việc gửi nhận, theo dõi xử lý văn bản.

- Tăng cường việc sử dụng phần mềm Hộp không giấy Ecabinet, Hộp trực tuyến,...

- Triển khai các nền tảng số phục vụ quản lý các ấp sóc, tăng cường kết nối, tương tác giữa chính quyền và người dân.

- Triển khai trợ lý AI hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong xử lý văn bản, quản lý tài liệu, tra cứu và hỏi - đáp phục vụ công việc chuyên môn.

2. Cải thiện nhóm chỉ số Nền tảng

a) Hạ tầng và Nền tảng số

- Ứng dụng AI và Nền tảng số dùng chung: Chủ động phối hợp với các cơ quan cấp trên để nắm bắt hướng dẫn kỹ thuật và triển khai đưa vào sử dụng các nền tảng còn thiếu khi có yêu cầu (Trợ lý ảo phục vụ người dân, công chức, viên chức,...) trong năm 2026 và mở rộng ứng dụng AI (AI nâng cao trong y tế, giáo dục, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số...) để tạo đột phá.

b) Nhân lực số

- Triển khai kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn, tham gia các lớp tập huấn cho cán bộ lãnh đạo

cơ quan, cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, cán bộ, công chức, viên chức, trong đó đặc biệt chú trọng tới kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội; hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, chú trọng tham gia các lớp tập huấn các nội dung: sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng “Đồng Nai S”, Tổng đài 1022, thương mại điện tử, bảo đảm an toàn thông tin, sử dụng các dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, giải trí,...).

- Các cơ quan, đơn vị chủ động chuẩn hóa đội ngũ, đảm bảo nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị mình phục vụ cho việc triển khai chuyển đổi số.

c) An toàn thông tin mạng

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin: Tăng cường rà soát và thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ hằng năm cho 100% hệ thống thông tin tại xã.

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ đã được phê duyệt; hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin, an ninh mạng.

3. Duy trì và phát huy thế mạnh

a) Hoạt động chính quyền số

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan cấp trên rà soát, chuẩn hóa đưa các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ toàn trình, đặc biệt chú trọng các dịch vụ công phát sinh nhiều hồ sơ, mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 đạt 100%

- Triển khai hỗ trợ người dân đến làm thủ tục tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã, bố trí cán bộ, đoàn thanh niên, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng hỗ trợ và trang thiết bị đầy đủ để hướng dẫn người dân nộp hồ sơ toàn trình.

- Đưa tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình vào các báo cáo tuần, báo cáo tháng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về lợi ích và cách thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tăng cường đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định, tránh gây bức xúc, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

- Đảm bảo việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp đúng hạn theo quy định. Trường hợp hồ sơ quá hạn phải có

thư xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Về hoạt động kinh tế số

- Tăng cường hệ sinh thái doanh nghiệp số:

Thực hiện các chính sách hỗ trợ cụ thể, hiệu quả để khuyến khích thành lập mới và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, để nâng cao chỉ tiêu Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số đến năm 2030 đạt tỉ lệ: 01 doanh nghiệp/1.000 dân.

Tăng cường truyền thông, hỗ trợ thủ tục để các doanh nghiệp đăng ký và sử dụng rộng rãi tên miền ".vn", giải quyết điểm yếu trong chỉ tiêu Số lượng tên miền ".vn".

- Duy trì tỉ trọng cao: Tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy số hóa trong sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử để duy trì tỉ trọng kinh tế số trong GRDP ở mức cao.

c) Về hoạt động xã hội số

- Phổ cập kỹ năng số chuyên sâu: Tăng cường các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về Kỹ năng công nghệ thông tin - truyền thông cho người dân, tập trung vào các kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến, giao dịch an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân.

- Phát triển công cụ giao dịch số an toàn: Triển khai chiến dịch phổ cập chữ ký số cá nhân cho người dân và doanh nghiệp, nâng tỉ lệ này lên mức tối thiểu 50% trong năm 2026 nhằm tạo điều kiện thực hiện các giao dịch điện tử có tính pháp lý cao, đến năm 2030 tỉ lệ đạt từ 70% trở lên.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn huy động từ các nguồn hỗ trợ của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia triển khai Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND xã đơn đốc, theo dõi tổng thể việc thực hiện Kế hoạch này. Trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai các chỉ tiêu thuộc nhóm Xã hội số (phổ cập kỹ năng số, tài khoản thanh toán trực tuyến), ứng dụng các nền tảng số dùng chung, nhóm chỉ tiêu về Nhân lực số nội bộ cơ quan (bố trí đầu mối chuyên trách, đào tạo công chức) và việc sử dụng hệ thống quản trị dữ liệu điện toán đám mây của tỉnh.

Dự trù cân đối phối hợp với các cơ quan đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện, triển khai kế hoạch.

2. Phòng Kinh tế

Trực tiếp chịu trách nhiệm chủ trì các chỉ tiêu thuộc nhóm Hạ tầng số và Hoạt động Kinh tế số (tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số, thương mại điện tử, tên miền ".vn", hạ tầng cáp quang và trạm 5G). Đồng thời phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu UBND xã bố trí dự toán chi ngân sách hàng năm cho công tác chuyển đổi số.

3. Trung tâm phục vụ Hành chính công xã:

Trực tiếp chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện và nâng cao điểm số đối với toàn bộ các chỉ tiêu thuộc nhóm Hoạt động Chính quyền số (bao gồm: tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ trực tuyến và mức độ hài lòng của người dân).

4. Các cơ quan, đơn vị phối hợp

- Công an xã: Chủ trì và chịu trách nhiệm hướng dẫn công dân từ 14 tuổi trở lên kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2; phối hợp rà soát, đảm bảo tỷ lệ an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin của xã.

- Trạm Y tế xã: Chủ động thực hiện liên thông dữ liệu khám chữa bệnh để nâng cao tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử.

- Đoàn Thanh niên xã: Lực lượng nòng cốt trong các Tổ công nghệ số cộng đồng, tổ chức các đợt ra quân tình nguyện trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và cài đặt sử dụng chữ ký số cá nhân.

- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã: Tăng cường công tác tuyên truyền, phối hợp với các cơ quan đơn vị từng bước đưa các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu tích hợp trên nền tảng số đến gần người dân hơn, hỗ trợ người dân thanh toán trực tuyến và thương mại điện tử.

- Ban điều hành các ấp, sóc: Huy động tối đa sức mạnh của Tổ công nghệ số cộng đồng, thực hiện phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để trực tiếp phối hợp với UBND xã hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản.

5. Chế độ báo cáo, kiểm tra

- Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì và phối hợp thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm nghiêm túc tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã về chỉ tiêu, điểm số của các nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ hàng tháng, các đơn vị gửi báo cáo tình hình, kết quả triển khai (kèm tài liệu kiểm chứng) về UBND xã (qua đầu mối tổng hợp là Phòng Văn hóa - Xã hội) **trước ngày 15 hằng tháng.**

- Giao Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành báo cáo định kỳ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 20 hằng tháng** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân xã đề nghị thủ trưởng các cơ quan, phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế

hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về (*phòng Văn hóa - Xã hội*) để tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND xã xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH&CN;
- CT, các PCT. UBND xã;
- Công an xã;
- Các phòng ban, đơn vị chuyên môn;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã;
- LĐVP, CV(Tuần);
- Ban quản lý các ấp, sóc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Minh

**PHỤ LỤC PHÂN CÔNG CHI TIẾT THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU DTI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TẠI XÃ MINH ĐỨC**

(Kèm theo Kế hoạch số 138 /KH-UBND ngày 07 tháng 04 năm 2026 của UBND xã Minh Đức)

| Stt | Chỉ số | Cơ quan chủ trì | Phân công tại cấp xã | | Năm 2026 | Đến năm 2030 | Căn cứ thực hiện | Nhiệm vụ thực hiện tại địa phương |
|-----------|--|-----------------|--------------------------------|-------------------------|--|--------------|--|--|
| | | | Phòng ban tiếp nhận triển khai | Phòng ban phối hợp | | | | |
| 1. | Hạ tầng và Nền tảng số | | | | | | | |
| 1.1 | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện | Sở KH&CN | Phòng VH-XH | Các phòng ban liên quan | Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh được công nhận đạt chuẩn | 100% | QĐ 1121/QĐ-TTg ngày 11/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030, | Ứng dụng hệ thống quản trị dữ liệu tập trung, lưu trữ hồ sơ, văn bản nội bộ của UBND xã lên nền tảng đám mây của tỉnh. |

| | | | | | | | | |
|-----|--|----------|---------------------|-------------------------|---|------|---|--|
| | toán đám mây | | | | | | trong đó: "Điều chỉnh nâng cao trọng số của chỉ số đánh giá ứng dụng, sử dụng điện toán đám mây vào bộ chỉ số Chuyển đổi số (DTI) để các bộ, ngành, địa phương đánh giá hàng năm" | |
| 1.2 | Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung | Sở KH&CN | Văn phòng HĐND&UBND | Các phòng ban liên quan | 9/9 nền tảng theo hướng dẫn của Bộ | 100% | Công văn số 702/CĐS-CSS ngày 25/5/2023 của Cục Chuyển đổi số quốc gia | Phối hợp, triển khai theo hướng dẫn của Sở KH&CN |
| 1.3 | Mức độ ứng dụng AI | Sở KH&CN | Phòng VH-XH | Các phòng ban liên quan | Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà | 100% | Nghị quyết số 71/NQCP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình | Triển khai các ứng dụng AI theo hướng dẫn của Sở KH&CN |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|---------|--|-------------------------|--------------------------------------|------|---|--|
| | | | | | nước | | hành động thực hiện Nghị quyết 57 NQ/TW của Bộ Chính trị | |
| 2. | Nhân lực số | | | | | | | |
| 2.1 | Có bộ phận/đầu mối thực hiện CDS tại cơ quan, đơn vị | UBND xã | Phòng VH-XH; Văn phòng HĐND&UBND xã | Các phòng ban liên quan | Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT, CDS | 100% | Căn cứ QĐ số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của TTGCP phê duyệt Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" | Tham mưu kiện toàn sơ đồ tổ chức, ban hành quyết định phân công đầu mối chuyên trách CDS tại xã. |

| | | | | | | | | |
|-----|--|----------|--|-------------------------|---|------|---|--|
| 2.2 | Tỷ lệ công chức chuyên trách về CDS | UBND xã | Phòng VH-XH; Văn phòng HĐND&UBND xã | Các phòng ban liên quan | Phấn đấu đạt 10%/tổng số cán bộ, công chức, viên chức | 100% | Căn cứ QĐ số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của TTGCP phê duyệt Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" | Tham mưu bố trí đủ nhân sự chuyên môn CNTT theo Đề án vị trí việc làm. |
| 2.3 | Tỷ lệ công chức được bồi dưỡng, tập huấn | Sở KH&CN | Phòng VH-XH | Các phòng ban liên quan | 100% | 100% | Quyết định số 146/QĐ- TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê | Đề xuất cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ |

| | | | | | | | | |
|-----|--|--------------|-------------|--|---|------|---|--|
| | CĐS | | | | | | duyet Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" | năng số. |
| 2.4 | Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số | Công an tỉnh | Phòng VH-XH | Trung tâm dịch vụ tổng hợp; Đoàn thanh niên; Tổ CNSCD; Ban điều hành các ấp, sóc. | 100% công dân đủ điều kiện (công dân đã được cấp căn cước/căn cước công dân, có sử dụng điện thoại thông minh | 100% | Quyết định số 146/QĐ- TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" | Phối hợp tuyên truyền và triển khai chương trình hành động phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 |

| | | | | | | | định hướng đến năm 2030" | theo yêu cầu của cơ quan cấp trên |
|-----------|--|--------------|------------------------------------|-------------------------|---|------|--|--|
| 3. | An toàn thông tin, an ninh mạng | | | | | | | |
| 3.1 | Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin, an ninh mạng | Công an tỉnh | Công an xã; Văn phòng UBND&HĐND | Các phòng ban liên quan | 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ | 100% | Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh; Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ | Phối hợp rà soát, thống kê toàn bộ các hệ thống thông tin đang vận hành để đảm bảo không bỏ sót hệ thống nào chưa được phân loại cấp độ. |
| 3.2 | Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ | Công an tỉnh | Công an xã; Văn phòng UBND&HĐND | Các phòng ban liên quan | 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ | 100% | Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh; Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ | Lựa chọn và triển khai cài đặt các giải pháp công nghệ (tường lửa, phần |

| | | | | | | | | |
|-----|---|--------------|------------------------------------|-------------------------|---|------|--|---|
| | phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ đã được phê duyệt | | | | | | | mềm diệt virus, hệ thống quản lý tập trung...) đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn tối thiểu tương ứng với cấp độ (từ cấp độ 1 đến cấp độ 5) theo tiêu chuẩn TCVN 11930:2017 |
| 3.3 | Tỷ lệ hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn | Công an tỉnh | Công an xã; Văn phòng UBND&HĐND | Các phòng ban liên quan | 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ | 100% | Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh; Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ | Xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn thông tin theo hiện trạng của xã. Phối hợp với cấp trên khi có kế hoạch kiểm tra, |

| | | | | | | | | |
|-----------|---|---------|-----------------------------------|---|-----|-----|---|---|
| | thông tin, an ninh mạng định kỳ | | | | | | | đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ trên địa bàn xã. |
| 4. | Hoạt động Chính quyền số | | | | | | | |
| 4.1 | Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp | UBND xã | Trung tâm phục vụ Hành chính công | Ban điều hành các ấp, sóc; Phòng VH-XH; Trung tâm dịch vụ tổng hợp. | 70% | 80% | Nghị quyết số 71/NQCP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị | Thường xuyên khảo sát, ghi nhận ý kiến từ doanh nghiệp và người dân để cải tiến chất lượng phục vụ; đảm bảo hướng dẫn quy trình nộp hồ sơ trực tuyến đơn giản, dễ hiểu, thực hiện được hoàn toàn trên |

| | | | | | | | | |
|-----|-----------------------------------|---------|-----------------------------------|--|------|------|---------------------------------|---|
| | | | | | | | | điện thoại thông minh. Tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. |
| 4.2 | Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình | UBND xã | Trung tâm phục vụ Hành chính công | | 25% | 90% | Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh | Phối hợp với cơ quan cấp trên, chiết xuất dữ liệu báo cáo khi có yêu cầu. Không thực hiện thủ tục hành chính theo kiểu “trực tuyến nửa vời” |
| 4.3 | Mức độ hài lòng của người | UBND xã | Trung tâm phục vụ Hành chính công | | 100% | 100% | Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh | Gắn kết quả thống kê tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn |

| | | | | | | | | |
|-----|--|--------------|---------------|--|-------------|----|--|--|
| | dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công | | | | | | | trình với việc đánh giá chỉ số hài lòng của người dân; công khai bảng xếp hạng kết quả thực hiện cải cách hành chính và chuyển đổi số của các đơn vị trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. |
| 4.4 | Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số | Sở Tài chính | Phòng Kinh tế | | Đạt trên 1% | 3% | | Chi ngân sách nhà nước hàng năm cho CNTT và chuyển đổi số, đảm bảo tỷ lệ chi không thấp hơn mức quy |

| | | | | | | | | |
|-----------|--------------------------------|----------|---------------|--|---------------------------|---------------------------|---|--|
| | | | | | | | | định của Chính phủ (thường là tối thiểu 1% tổng chi ngân sách nhà nước). |
| 5. | Hoạt động Kinh tế số | | | | | | | |
| 5.1 | Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP | Sở KH&CN | Phòng Kinh tế | | >20% | 30% | Nghị quyết số 71/NQCP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57 NQ/TW của Bộ Chính trị | Thúc đẩy số hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, dịch vụ tại địa phương. Phối hợp thống kê báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan cấp trên. |
| 5.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp công | Sở KH&CN | Phòng Kinh tế | | 01 doanh nghiệp/1.000 dân | 05 doanh nghiệp/1.000 dân | Nghị quyết số 71/NQCP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, | Tham mưu chính sách hỗ trợ cơ sở hạ tầng, khuyến |

| | | | | | | | | |
|-----------|---------------------------------------|--------------|---------------|--|------|------|--|---|
| | nghệ số/1.000 dân | | | | | | cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. | khích các doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp số trên địa bàn. |
| 5.3 | Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử | Sở KH&CN | Phòng Kinh tế | | >80% | 100% | Quyết định số 411/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng chữ ký số và hợp đồng điện tử trong giao dịch dân sự, kinh tế; xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số |
| 6. | Hoạt động Xã hội số | | | | | | | |
| 6.1 | Tỷ lệ người dân từ | Công an tỉnh | Công an xã | | 100% | 100% | Quyết định số 411/QĐ- TTg của Thủ tướng | Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ |

| | | | | | | | | |
|-----|---|------------------------|---------------|-------------|------|------|---|--|
| | 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử | | | | | | Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57- NQ/TW của Bộ Chính trị | chức thu nhận hồ sơ, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho 100% công dân đủ điều kiện từ 14 tuổi trở lên trên địa bàn xã. |
| 6.2 | Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài | Ngân hàng nhà nước Chi | Phòng Kinh tế | Phòng VH-XH | >80% | 100% | Quyết định số 411/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến | Truyền thông, phối hợp tạo điều kiện cho các ngân hàng trên địa bàn |

| | | | | | | | | |
|-----|--|---------------------------------------|--------------------|--|----------------|----------------|---|---|
| | <p>khoản thanh toán trực tuyến tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác</p> | <p>nhánh Khu vực 2</p> | | | | | <p>lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57- NQ/TW của Bộ Chính trị</p> | <p>hướng dẫn người dân mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt.</p> |
| 6.3 | <p>Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân</p> | <p>Đoàn TNCS HCM tỉnh</p> | <p>Phòng VH-XH</p> | <p>Ban điều hành các ấp, sóc; Tổ CNSCĐ; Đoàn</p> | <p>>30%</p> | <p>>50%</p> | <p>Quyết định số 411/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyet Chiến lược quốc gia phát triển kinh</p> | <p>Triển khai các chiến dịch tình nguyện để trực tiếp hướng dẫn người dân cài đặt và sử</p> |

| | | | | | | | | |
|-----|---|---------|-----------|----------------|-----|------|---|---|
| | | | | thanh niên | | | tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57- NQ/TW của Bộ Chính trị | dụng chữ ký số cá nhân. |
| 6.4 | Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử | Sở Y tế | Trạm y tế | Phòng VH-XH | 95% | 100% | Quyết định số 411/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyet Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm | Phối hợp theo chỉ đạo của Sở Y tế, chỉ đạo các cơ sở y tế (công lập và tư nhân) trên địa bàn xã thực hiện kết nối, liên |

| | | | | | | | | |
|-----|---|---------|-------------|---|------|-----|---|---|
| | | | | | | | 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị | thông dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế lên Hệ thống thông tin giám định BHYT để đồng bộ sang ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử (VNeID hoặc ứng dụng chuyên ngành). |
| 6.5 | Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền | UBND xã | Phòng VH-XH | Ban điều hành các ấp, sóc; Tổ CNSCĐ; Đoàn thanh niên; | >70% | 90% | Quyết định số 411/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội | Trực tiếp quản lý, chỉ đạo và huy động các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp/khu phố thực hiện phương châm |

| | | | | | | | | |
|--|-------|--|--|----------------------------------|--|--|---|---|
| | thông | | | Các phòng ban liên quan | | | số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản (sử dụng smartphone, cài đặt ứng dụng, nộp hồ sơ trực tuyến). |
|--|-------|--|--|----------------------------------|--|--|---|---|